TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **659**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 511/2025/TLST-HNGĐngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: **Bà Ngọc T**, sinh năm 1982.

Số Căn cước công dân: 093182009274; ngày cấp: 10/5/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: A Â, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Ông Trần Ngọc D** năm 1972.

Số Căn cước công dân: 079072032239; ngày cấp: 10/5/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: A Â, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Ngọc T và ông Trần Ngọc D1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Ngọc T và ông Trần Ngọc D1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 179 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/10/2003 không còn giá trị về mặt pháp lý.

2.2 Về con chung: Bà Bùi Ngọc T và ông Trần Ngọc D1 có 02 (hai) con chung tên là Trần Ngọc L (giới tính nữ) sinh ngày 17/4/2003 và Trần Ngọc K (giới tính nam) sinh ngày 26/11/2004. Các con chung đã trưởng thành.

2.3 Về tài sản chung: Bà Bùi Ngọc T và ông Trần Ngọc D1 khai tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Bùi Ngọc T và ông Trần Ngọc D1 đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Bùi Ngọc T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008407 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Ngọc T được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự; (2)
- VKSND TP. HCM; (1)
- VKSND KV10-TP. HCM; (1)
- THADS TP. HCM; (1)
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án. (5)

THẨM PHÁN

Châu Nguyễn Thanh Thảo

2 000021 604209